

Bản án số: 774/2022/DS-PT  
Ngày 22 tháng 11 năm 2022  
“V/v Tranh chấp thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công

*Các thẩm phán:* Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Ý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2022/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2167/2022/QĐPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1977 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 34 Điện Biên Phủ, Tổ 10, Khu phố 4, phường Phước Hiệp, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phan Minh Định, Công ty Luật hợp danh Minh Duy thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt);

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 61 Hoàng Hoa Thám, Tổ 01, Khu phố 4, phường Long Tâm, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T:* Luật sư Dương Thanh Thuận – Giám đốc Công ty Luật hợp danh Dương Chính thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt);

2.2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1957 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 2095 Hùng Vương, phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 34 Điện Biên Phủ, Tổ 10, Khu phố 4, phường Phước Hiệp, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- 3.2. Ông Nguyễn Văn T<sup>1</sup>, sinh năm 1966 – Vắng mặt;  
Địa chỉ: Số 27516 E1 Capitan Dr Warren, MI 48092, USA  
3.3. Anh Nguyễn Thanh H<sup>1</sup>, sinh năm 1977 – Vắng mặt;  
3.4. Anh Nguyễn Thành S, sinh năm 1980 – Vắng mặt;  
3.5. Chị Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1983 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 2095 Hùng Vương, phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

*Người đại diện hợp pháp của các anh, chị Nguyễn Thanh H<sup>1</sup>, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Thị Thanh X:* Bà Nguyễn Thị V (Văn bản ủy quyền công chứng ngày 18/5/2021) – Có mặt;

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D;

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 18/7/2019 và lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng H trình bày:*

Cha mẹ của ông là cụ Nguyễn Văn M (chết ngày 28/5/1996) và cụ Nguyễn Thị N (chết ngày 20/4/2009) có 05 người con chung gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị D, Nguyễn Văn T<sup>1</sup>, Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Văn T<sup>2</sup> (chết ngày 24/8/2005, vợ là Nguyễn Thị V và các con là Nguyễn Thanh H<sup>1</sup>, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị Thanh X). Cụ M và cụ N đều không có di chúc.

Di sản của cụ M và cụ N để lại gồm:

Nhà ở và đất 520 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 18 (số cũ 06) tại số 34 đường Điện Biên Phủ, phường Phước Hiệp, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, do cụ N đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 921179 ngày 25/9/1997. Quyền sử dụng đất là do cha mẹ mua khoảng năm 1979, nhà là do mẹ xây năm 2001, sau khi mẹ chết thì bà D cùng ông H sinh sống trong nhà cho đến nay.

Ba thửa đất số 188, diện tích 276,3 m<sup>2</sup>; thửa số 187, diện tích 313,7 m<sup>2</sup> và thửa số 112, diện tích 358,1 m<sup>2</sup> tọa lạc phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 266643, AK 266644 và số AK 266645 cho hộ cụ Ngọ cùng ngày 24/8/2007. Nguồn gốc đất của ông bà nội để lại, khi cha mẹ còn sống có 01 căn nhà gỗ bị sập nên dỡ bỏ. Năm 2007, bà V là vợ ông T<sup>2</sup> xin phép cụ N để xây dựng trên thửa đất số 112 ngôi nhà 01 tầng (nhà số 2095 đường Hùng Vương), để bà V cùng anh H<sup>1</sup> và chị X sinh sống.

Ông H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ M, cụ N và cho ông nhận hiện vật là quyền sử dụng đất diện tích 297,4 m<sup>2</sup>, ký hiệu A trong Mạnh xử lý nội nghiệp bản đồ địa chính ngày 02/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị V đều trình bày:*

Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình và di sản của cha mẹ. Hai bà đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông H, nhưng đề nghị Tòa án cho thời gian chờ ông T<sup>1</sup> về Việt Nam, để các anh chị em tự thỏa thuận phân chia, không phải yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày:* Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình và di sản của cha mẹ. Bà đồng ý chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh X trình bày:* Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình và di sản của cha mẹ. Chị đồng ý chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T<sup>1</sup>:* Tại Công văn số 173/BTP-PLQT ngày 26/01/2021 của Bộ Tư pháp, thông báo kết quả ủy thác tư pháp là không tổng đạt được văn bản tố tụng cho ông T<sup>1</sup>, do không có người nhận.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:*

Căn cứ các điều: 26, 37, 38, 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều: 609, 612, 613, 617, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều: 635, 676, 677 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng H về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

- Ông Nguyễn Hoàng H được phân chia diện tích 297,4 m<sup>2</sup>, ký hiệu lô A có tọa độ (1,2,3,4,21,1), trong đó có 87,4 m<sup>2</sup> đất thổ cư. Vị trí theo Mảnh xử lý nội nghiệp bản đồ địa chính ngày 02/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa.

- Ông Nguyễn Hoàng H có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn T<sup>1</sup> và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T<sup>2</sup> là bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Thanh H<sup>1</sup>, anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thanh X số tiền 25.925.600 đồng.

Ông Nguyễn Hoàng H và các đương sự được quyền liên hệ tới cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký chỉnh lý quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án và theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Giao phần di sản còn lại của cụ M, cụ N bao gồm: Phần diện tích đất 651 m<sup>2</sup>, trong đó có 174,8 m<sup>2</sup> đất thổ cư (bao gồm lô B là 317,6 m<sup>2</sup> và lô C là 333,4 m<sup>2</sup>) theo Mảnh xử lý nội nghiệp bản đồ địa chính ngày 02/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa; diện tích đất 453,6 m<sup>2</sup> thuộc thửa 18 (cũ 06), tờ bản đồ số 04 (cũ 09) tọa lạc tại đường Điện Biên Phủ, trong đó có 150 m<sup>2</sup> đất ở và căn nhà 01 tầng loại 3 trên đất, theo Mảnh trích đo địa chính ngày 03/12/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa cho các thừa kế của cụ M, cụ N gồm: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T<sup>1</sup>, bà Nguyễn Thị D và thừa kế của ông Nguyễn Văn T<sup>2</sup> gồm bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Thanh H<sup>1</sup>, anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thanh X quản lý.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí đo đạc và định giá; về án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/5/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu được chia cho bà 1/5 di sản bằng hiện vật; yêu cầu giao di sản của cha mẹ cho bà T quản lý, bà T sẽ thanh toán giá trị cho các thừa kế khác, không chia thừa kế bằng hiện vật cho ông Nguyễn Hoàng H và yêu cầu định giá lại tài sản.

Ngày 14/5/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị V có đơn kháng cáo yêu cầu được chia cho bà 1/5 di sản bằng hiện vật cho các thừa kế của ông T<sup>2</sup>; yêu cầu giao nhà đất tại

các thửa đất số 112, 187, 188 cho các thừa kế của ông T<sup>2</sup>, các thừa kế của ông T<sup>2</sup> sẽ thanh toán giá trị cho các thừa kế khác, không chia thừa kế bằng hiện vật cho ông Nguyễn Hoàng H và yêu cầu định giá lại tài sản.

Ngày 14/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo yêu cầu được chia cho bà 1/5 di sản bằng hiện vật; yêu cầu giao cho bà nhà đất tại thửa đất số 18, bà sẽ thanh toán giá trị cho các thừa kế khác; giao cho bà T ba thửa đất số 112, 187, 188, bà T sẽ thanh toán giá trị cho các thừa kế khác; không chia thừa kế bằng hiện vật cho ông Nguyễn Hoàng H và yêu cầu định giá lại tài sản.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Các bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị D đều giữ nguyên kháng cáo, xin rút lại yêu cầu định giá lại tài sản và đồng ý với kết quả định giá ở cấp sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hoàng H không đồng ý kháng cáo của các bà: T, V, D.

Luật sư Dương Thanh Thuận đề nghị xem xét Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vì bà T không được triệu tập tham gia phiên tòa ngày 23/4/2021, triệu tập không đúng địa chỉ của ông T<sup>1</sup>; Trong diện tích đất của cụ N để lại có 40,2 m<sup>2</sup> chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng Bản án sơ thẩm không giải quyết phần này là thiếu sót nghiêm trọng; Bản án sơ thẩm đã chia cho ông H 297,4 m<sup>2</sup> (lô A) là không phù hợp thực tế thửa đất, trái với hồ sơ địa chính thửa đất, trái với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất và không thể thi hành án được. Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chia thừa kế cho từng người. Trong trường hợp không chia được thì hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Luật sư Phan Minh Định đề nghị xem xét bà T, bà V đã có mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, mở ngày 08/12/2020, các đương sự không có thay đổi địa chỉ, phiên tòa sơ thẩm ngày 23/4/2021 là phiên tòa lần thứ ba, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T là đúng quy định của pháp luật; Tòa án đã nhiều lần ủy thác tư pháp ra nước ngoài tổng đạt văn bản tố tụng cho ông T<sup>1</sup>, mà không có người nhận, nhưng bà T, bà V, bà D cũng không cung cấp địa chỉ của ông T<sup>1</sup>. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng. Phần 40,2 m<sup>2</sup> chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên chưa được xem là di sản, Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập giải quyết là đúng. Tại cấp sơ thẩm, các bị đơn không có yêu cầu chia di sản cho từng người thừa kế, nên cấp sơ thẩm không chia là đúng, và vì vậy không có căn cứ để cấp phúc thẩm giải quyết. Đề nghị không chấp nhận tất cả các kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đơn kháng cáo đều hợp lệ về hình thức. Về nội dung, đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]** Đơn kháng cáo của các bà: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị D đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa phúc thẩm đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng đương sự vắng mặt đều là những người không có kháng cáo và việc vắng mặt của họ không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt họ.

Tòa án đã ủy thác tổng đạt cho ông Nguyễn Văn T<sup>1</sup> Bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, các đơn kháng cáo của các bà: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị D và Thông báo về việc kháng cáo số 05/2021/TB-TA ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nhưng tại Công văn số 143/BC-UTTP ngày 18/4/2022 của Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ, xác định đương sự không đến nhận hoặc hồi âm; Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T<sup>1</sup> và căn cứ Án lệ số 06/2016, tạm giao cho các thừa kế khác quản lý phần di sản ông T<sup>1</sup> được hưởng (nếu có).

Trong các đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/9/2022, các bà: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị D đều có yêu cầu định giá lại tài sản, nhưng đến ngày 28/10/2022, bà T có đơn xin rút yêu cầu định giá và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bà: T, V, D đều rút yêu cầu định giá lại tài sản, đồng thời thống nhất sử dụng giá của Hội đồng định giá tại Tòa án cấp sơ thẩm để làm căn cứ giải quyết vụ án.

**[2]** Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện ủy thác tư pháp, tổng đạt văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn T<sup>1</sup> nhưng không có người nhận, nên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án vắng mặt ông T<sup>1</sup> là đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Bà Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 08/12/2020 và Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba, nhưng bà T vắng mặt tại phiên tòa ngày 23/4/2021, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

**[3]** Các đương sự đều trình bày và thừa nhận cụ Nguyễn Văn M và cụ Nguyễn Thị N có tất cả 05 người con chung, gồm các ông, bà: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị D, Nguyễn Văn T<sup>1</sup>, Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Văn T<sup>2</sup> (chết ngày 24/8/2005, vợ là Nguyễn Thị V và các con là Nguyễn Thanh H<sup>1</sup>, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị Thanh X).

Cụ Nguyễn Văn M chết ngày 28/5/1996, cụ Nguyễn Thị N chết ngày 20/4/2009, đều không có di chúc.

Các đương sự thống nhất chia di sản thừa kế của hai cụ theo pháp luật, thành 05 phần đều nhau cho 05 người con của hai cụ, là phù hợp với quy định tại Điều 675 và Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 (là luật có hiệu lực pháp luật thời điểm mở thừa kế). Vợ con của ông T<sup>2</sup> được hưởng phần của ông T<sup>2</sup>.

**[4]** Các bên đương sự đều trình bày và thừa nhận di sản của cụ M, cụ N gồm có một căn nhà 01 tầng loại 3 và 04 thửa đất do cụ Nguyễn Thị N đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 923179 cấp ngày 25/9/1997, thửa đất số 6, tờ bản đồ số 9, diện tích 520 m<sup>2</sup> (gồm 150 m<sup>2</sup> đất ở và 370 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp), tại phường Phước Hưng (căn nhà 01 tầng loại 3 nằm trên thửa đất này).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 266644 cấp ngày 24/8/2007, thửa đất số 187, tờ bản đồ số 01, diện tích 313,7 m<sup>2</sup> (gồm 62,2 m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 251,5 m<sup>2</sup> đất CLN), tại phường Phước Nguyên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 266643 cấp ngày 24/8/2007, thửa đất số 188, tờ bản đồ số 01, diện tích 276,3 m<sup>2</sup> (gồm 100 m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 176,3 m<sup>2</sup> đất CLN), tại phường Phước Nguyên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 266645 cấp ngày 24/8/2007, thửa đất số 112, tờ bản đồ số 01, diện tích 358,1 m<sup>2</sup> (gồm 100 m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 258,1 m<sup>2</sup> đất CLN), tại phường Phước Nguyên.

Tại Công văn số 4921/CNVNĐK-TTTLT ngày 04/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Bà Rịa đã xác định thửa đất số 112 được tách ra thành các thửa đất số 112, 187, 188, với tổng diện tích còn lại của ba thửa đất này là 948,1 m<sup>2</sup> (trong đó thửa đất số 112 có diện tích là 358,1 m<sup>2</sup>), nên việc các bà: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị D kháng cáo cho rằng thửa đất số 112 có diện tích 388,3 m<sup>2</sup>, nhưng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có 358,1 m<sup>2</sup>, còn lại 40,2 m<sup>2</sup> chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu xem xét chia thừa kế diện tích 40,2 m<sup>2</sup> đất này là không có cơ sở.

Riêng căn nhà 01 tầng cấp 4 và dãy phòng trọ do bà T và bà D xây dựng; một căn nhà cấp 4 do bà V và các con bà V xây dựng, nên không là di sản của cụ M, cụ N.

Biên bản định giá ngày 05/11/2019 (bút lục 168, 169) xác định: Giá thị trường các thửa đất số 112, 187, 188 có giá 25.000.000 đồng/m<sup>2</sup>; Biên bản định giá ngày 23/12/2020 (bút lục số 226) xác định: Giá thị trường thửa đất số 06 là 30.000.000 đồng/m<sup>2</sup> và căn nhà 01 tầng loại 3 là 267.372.000 đồng;

Theo Mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Bà Rịa lập ngày 03/12/2019 xác định: Thửa đất số 18 (thửa số 6, tờ bản đồ số 9 cũ) diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 520 m<sup>2</sup>, nhưng diện tích đo đạc thực tế chỉ còn 435,6 m<sup>2</sup>.

Theo Mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Bà Rịa lập ngày 02/4/2021 xác định: Tổng diện tích các thửa đất số 112, 187, 188 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 948,1 m<sup>2</sup>, nhưng diện tích đo đạc thực tế là 948,4 m<sup>2</sup>.

Như vậy, di sản của cụ M và cụ N để lại có tổng giá trị là:

- Căn nhà trị giá còn lại là 267.372.000 đồng;

- Thửa đất số 18, diện tích 435,6 m<sup>2</sup> x 30.000.000 đồng/m<sup>2</sup> = 13.068.000.000 đồng;

- Thửa đất số 112, 187, 188, tổng diện tích 948,4 m<sup>2</sup> x 25.000.000 đồng/m<sup>2</sup> = 23.710.000.000 đồng;

Tổng cộng 37.045.372.000 đồng.

Các đương sự đều không có yêu cầu tính công sức giữ gìn, tôn tạo di sản nên ghi nhận và không có căn cứ để đặt ra giải quyết về công sức.

Các đương sự thống nhất chia đều di sản thành 05 phần bằng nhau, như vậy một kỷ phần thừa kế có giá trị là 37.045.372.000 đồng/5 = 7.409.074.000 đồng;

**[5]** Các đương sự đều trình bày ý nguyện của cụ N là chia các thửa đất số 112, 187, 188 thành 03 phần đều nhau theo chiều ngang đầu và cuối đất bằng nhau cho 03 người gồm: Ông H, bà T và ông T<sup>2</sup>. Bà T, bà V đều xác định anh em trong gia đình

thông nhất chia cho ông H phần diện tích này, nhưng sợ ông H sẽ bán đất, sau này ông H không có nơi ở, nên đề nghị chia cho ông H bằng giá trị.

Ông Nguyễn Hoàng H không đồng ý nhận bằng giá trị, mà ông có yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật tại các thửa đất số 112, 187, 188. Tại khoản 2 Điều 685 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật, nên yêu cầu của ông H là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hiện trạng thực tế các thửa đất, để chia cho ông H được quyền sử dụng 297,4 m<sup>2</sup>, ký hiệu lô A tại Mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Bà Rịa lập ngày 02/4/2021, có giá trị bằng 7.435.000.000 đồng (297,4 m<sup>2</sup> x 25.000.000 đồng/m<sup>2</sup>) và buộc ông H phải hoàn giá trị vượt quá kỷ phần thừa kế với số tiền 25.925.000 đồng (7.435.000.000 đồng – 7.409.074.000 đồng) là phù hợp. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bà: T, D, V yêu cầu chia cho ông H bằng giá trị.

Trong quá trình xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 08/12/2020 (bút lục 260, 261), bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị V đều không có yêu cầu chia thừa kế cho từng người, mà chờ ông T<sup>1</sup> ở nước ngoài về thì mới phân chia, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho bà T, bà D, ông T<sup>1</sup> và các thừa kế của ông T<sup>2</sup> được hưởng và quản lý, sử dụng phần di sản còn lại của cụ M, cụ N, sau khi đã trừ diện tích đất chia cho ông H; đồng thời dành cho bà T, bà D, ông T<sup>1</sup> và các thừa kế của ông T<sup>2</sup> tự thỏa thuận phân chia phần di sản được hưởng chung, hoặc khởi kiện vụ án khác để chia phần được hưởng chung là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các bà: T, D, V kháng cáo yêu cầu được chia mỗi người 1/5 bằng hiện vật là vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu và chưa được cấp sơ thẩm giải quyết, nên không có cơ sở để cấp phúc thẩm giải quyết, theo quy định tại khoản 1 Điều 244 và Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Từ các phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bà: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị V; giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà T và bà V là người cao tuổi nên được miễn.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí đo đạc và định giá; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bà: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị V; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng H về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

Chia và công nhận cho ông Nguyễn Hoàng H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 297,4 m<sup>2</sup> (trong đó có 87,4 m<sup>2</sup> đất thổ cư), thuộc thửa đất số 188 và một phần thửa đất số 187, cùng tờ bản đồ số 01 phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Diện tích, kích thước, hình thể, giáp giới được xác định tại lô A của Mạnh xử lý nội nghiệp bản đồ địa chính của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa lập ngày 02/4/2021 (*Đính kèm theo Bản án*).

Buộc ông Nguyễn Hoàng H thanh toán số tiền 25.925.600 đồng (*Hai mươi lăm triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn sáu trăm đồng*) cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn T<sup>1</sup> và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T<sup>2</sup> gồm: bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Thanh H<sup>1</sup>, anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thanh X.

**2.2.** Chia và công nhận phần di sản còn lại của cụ M, cụ N cho các thừa kế của cụ M, cụ N (trừ ông Nguyễn Hoàng H), gồm: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T<sup>1</sup>, bà Nguyễn Thị D và các thừa kế của ông Nguyễn Văn T<sup>2</sup> gồm bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Thanh H<sup>1</sup>, anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thanh X được quyền quản lý, sử dụng chung, bao gồm:

- Phần diện tích đất 651 m<sup>2</sup> (trong đó có 174,8 m<sup>2</sup> đất thổ cư), thuộc một phần thửa đất số 187 và thửa đất số 112, cùng tờ bản đồ số 01 phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Diện tích, kích thước, hình thể, giáp giới được xác định tại lô B và lô C của Mạnh xử lý nội nghiệp bản đồ địa chính của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa lập ngày 02/4/2021 (*Đính kèm theo Bản án*).

- Diện tích đất 453,6 m<sup>2</sup> (trong đó có 150 m<sup>2</sup> đất ở) và 01 căn nhà tầng loại 3 trên đất thuộc thửa 18 (cũ 06), tờ bản đồ số 04 (cũ 09) tọa lạc tại phường Phước Hiệp, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Diện tích, kích thước, hình thể, giáp giới được xác định tại Mạnh xử lý nội nghiệp bản đồ địa chính của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa lập ngày 03/12/2019 (*Đính kèm theo Bản án*).

Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T<sup>1</sup>, bà Nguyễn Thị D và các thừa kế của ông Nguyễn Văn T<sup>2</sup> gồm bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Thanh H<sup>1</sup>, anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thanh X có quyền tự thỏa thuận phân chia hoặc khởi kiện để phân chia khối tài sản trên bằng vụ kiện khác.

**2.3.** Các đương sự đều có quyền và nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất được công nhận cho mình theo quyết định của Bản án này, theo quy định của pháp luật về đất đai.

**3.** Bà Nguyễn Thị D phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0009883 ngày 18/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị V được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

**4.** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí đo đạc và định giá; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**5.** Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu

không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**6.** Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- Cục THADS tỉnh BRVT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Công**



